

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 08 - 01- 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Quý;

Ông Nông Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý Số *12/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ: Số *, N, phường *, quận *, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Minh V; - Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng S - Chi nhánh Lạng Sơn, địa chỉ: Số *, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền số: 24/2023/GUQ-CNLS ngày 15/11/2023), có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Mỹ L, Địa chỉ 1: Ngõ * đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Địa chỉ 2: Số *, đường B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2023, tại bản khai và buổi hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S Ông Ngô Minh V trình bày:

Thời điểm ngày 04/7/2018, bà Vũ Thị Mỹ L đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S (sau đây viết tắt là ngân hàng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, với loại thẻ tín dụng mà bà Vũ Thị Mỹ L được ngân hàng cung cấp có thể dùng để quẹt thẻ, rút tiền mặt tại cây ATM của ngân hàng với hạn mức rút tối đa là 50.000.000 đồng. Thời hạn sử dụng thẻ là từ tháng 7/2018 đến tháng 7/2021. Sau thời hạn trên khách hàng có thể đề nghị ngân hàng tiếp tục gia hạn thời gian sử dụng thẻ tiếp 05 năm. Đây là khoản vay tín chấp nên không có bảo đảm, lãi suất là mức lãi suất mà S áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. lãi suất tại thời điểm cấp tín dụng là 2,5 %. Lãi suất trong hạn là lãi suất ngân hàng công bố theo biểu phí qua từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150 % lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Vũ Thị Mỹ L đã sử dụng hết hạn mức thẻ được cấp là 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ tháng 07/2018, bà L thực hiện tổng cộng 19 giao dịch, tổng số tiền 53.351.433đ. Từ tháng 01/2018 đến tháng 07/2021, bà L thực hiện 32 giao dịch thanh toán đúng hạn, phát sinh 17 phí thanh toán trễ hạn với tổng số tiền **2.117.931 đồng** (Hai triệu một trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi một đồng). Ngoài ra bà Vũ Thị Mỹ L còn phải chịu phí vượt hạn mức phát sinh **09 lần** với tổng số tiền **450.000 đồng** (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Toàn bộ số tiền phí thanh toán trễ hạn và phí vượt hạn mức phát sinh này đã được cộng dồn vào tiền gốc. Kể từ thời điểm ngày 22/11/2022 bà Vũ Thị Mỹ L đã có dấu hiệu không thanh toán cho Ngân hàng và kể từ đó bà Vũ Thị Mỹ L không thanh toán lần nào nữa. Ngân hàng đã thực hiện chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm ngày **22/02/2023** (sau 03 tháng kể từ ngày khách hàng không thực hiện thanh toán) sang nợ quá hạn với số tiền quá hạn là **53.190.218 đồng**. Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150 % của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Do bà Vũ Thị Mỹ L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã đơn đốc thường xuyên nhưng bà Vũ Thị Mỹ L không trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện Buộc bà Vũ Thị Mỹ L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/12/2023 nợ gốc là 53.190.218 đồng, lãi: 21.995.038 đồng. Tổng cộng 75.185.256 đồng (Bảy mươi lăm triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng). Bà Vũ Thị Mỹ L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/12/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn Bà Vũ Thị Mỹ L trình bày: Ngày 4/7/2018, Bà có được mở thẻ tín dụng tại ngân hàng S. Bà đã sử dụng 50.000.000 đồng vay của ngân hàng để tiêu dùng cá nhân. không có tài sản thế chấp, ngân hàng cho bà vay vì trước đó bà có tiền gửi ở ngân hàng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng. Bà đã rút tiền ra để sử dụng nhưng bà chưa trả được gốc. Hiện nay ngân hàng khởi kiện bà yêu cầu trả gốc và lãi thì bà cũng nhất trí trả tiền cho ngân hàng. Về số tiền gốc và số tiền lãi mà Ngân hàng tính, bà hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến thắc mắc gì. Bà

đang làm ăn khó khăn, thua lỗ, đang đi học nghề nên bà đề nghị ngân hàng cho bà trả dần từ tháng 2/2024, mỗi tháng trả 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi trả hết nợ. Do bà bận công việc nên bà xin được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án và xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng có ý kiến: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị Mỹ L trả tiền gốc là 53.190.218 đồng; lãi và phí tính đến ngày 08/01/2024 là 23.466.278 đồng và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 09/01/2024 cho đến khi bà Vũ Thị Mỹ L thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Vũ Thị Mỹ L phải thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc là 53.190.218 đồng; lãi và phí tính đến ngày 08/01/2024 là 23.466.278 đồng và lãi, phí phát sinh tính từ ngày 09/01/2024 cho đến khi bà Vũ Thị Mỹ L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Về án phí bà Vũ Thị Mỹ L phải chịu theo quy định của pháp luật, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng và các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc một trong những tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu bị đơn bà Vũ Thị Mỹ L đến phiên tòa, tại phiên tòa bà Vũ Thị Mỹ L vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Vũ Thị Mỹ L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về pháp luật áp dụng: Quan hệ vay tài sản giữa bà Vũ Thị Mỹ L và ngân hàng phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng. Thời điểm ký kết giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng) vào năm

2018 và thực hiện hợp đồng trong khi Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực. Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi suất để giải quyết vụ án.

[4] Về hợp đồng, văn bản 2 bên đương sự đã ký kết: Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 4/7/2021, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật khi giao kết, Ngân hàng, bà Vũ Thị Mỹ L đều tự nguyện khi ký hợp đồng, các điều khoản của hợp đồng đều phù hợp với các quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Khi ký hợp đồng nêu trên bà Vũ Thị Mỹ L đã trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi, tự nguyện ký vào hợp đồng để vay tiền ngân hàng. Hình thức của hợp đồng tín dụng, đều phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 116, 117, 119, 137, 138, 139, 141, 398, 401, 403, 463, 466 Bộ luật dân sự, hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng, văn bản nêu trên.

[5] Về nội dung tranh chấp: Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Bà Vũ Thị Mỹ L đã sử dụng thẻ để rút số tiền 50.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Ngoài hợp đồng thì bà Vũ Thị Mỹ L và ngân hàng không ký phụ lục hợp đồng nào khác. Nhưng sau khi quan hệ tín dụng được một thời gian bà Vũ Thị Mỹ L có biểu hiện vi phạm Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng nên đã phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng rất tích cực đôn đốc, tạo mọi điều kiện để bà Vũ Thị Mỹ L xử lý khoản nợ quá hạn, tuy nhiên bà Vũ Thị Mỹ L không thực hiện nghĩa vụ với khoản nợ vay của mình. Trong lời khai và tại buổi hòa giải bị đơn bà Vũ Thị Mỹ L phía bị đơn bà Vũ Thị Mỹ L thừa nhận khi vay tiền là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ vào điều 1.9 và điều 24, 26 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng. Tính đến thời điểm mở phiên tòa ngày hôm nay, bà Vũ Thị Mỹ L vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 53.190.218 đồng. Đồng thời căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ cho thấy Hợp đồng tín dụng hình thức và nội dung của các văn bản trên đều hợp pháp, tự nguyện, theo các Điều 463, Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định khác có liên quan.

[6] Phía bị đơn bà Vũ Thị Mỹ L có ý kiến đề nghị được trả mỗi tháng 500.000 đồng từ tháng 2/2024 cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử thấy: Ý kiến này của bị đơn đã vi phạm những thỏa thuận tự nguyện mà các bên đương sự đã ký kết trong hợp đồng tín dụng, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đã tham gia trong hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng không nhất trí với ý kiến này của bà Vũ Thị Mỹ L, do vậy ý kiến này của bà Vũ Thị Mỹ L đưa ra là không có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị Mỹ L phải thanh toán khoản tiền nợ gốc 53.190.218 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc bà Vũ Thị Mỹ L phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc cho ngân hàng là 53.190.218 (năm mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn hai trăm mười tám) đồng cho Ngân hàng S.

[8] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà Vũ Thị Mỹ L trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí tính đến ngày xét xử 08/01/2024 là 23. 466.278 đồng Hội đồng xét xử thấy:

[9] Đối với khoản vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo hợp đồng tín dụng thì lãi suất cho vay 2,5%/ tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với phần gốc quá hạn và tiền phí theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ của ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi, phí như trên của ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận tự nguyện của các đương sự được ghi nhận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ của ngân hàng, Điều 7 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 3, 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước, tại lời khai và buổi hòa giải phía bị đơn nhất trí về lãi và phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Vũ Thị Mỹ L phải trả cho ngân hàng tiền lãi và phí tính đến ngày xét xử (08/01/2024) là 23.466.278 (hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi tám) đồng.

[10] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08/01/2024) cho đến khi thi hành xong, bà Vũ Thị Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất, phí mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Vũ Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 116, 117, 119, 138, 139, 141, 398, 401, 403, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự. Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước. Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S, cụ thể:

1.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Vũ Thị Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/01/2024) là 76.656.496 (bảy mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 53.190.218 (năm mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn hai trăm mười tám) đồng, lãi vay (trong hạn và quá hạn) và phí là: 23.466.278 (hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi tám) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08/01/2024) cho đến khi thi hành xong, bà Vũ Thị Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất, phí mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay và phí theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất và phí mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất và phí của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

2.1. Bà Vũ Thị Mỹ L phải chịu 3.832.800 (ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Ngân hàng S không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 1.817.000 (một triệu, tám trăm mười bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000048 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Vũ Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (khi án có hiệu lực PL);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Thịnh